

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA ĐẠO TIN LÀNH TRONG QUÁ TRÌNH TRUYỀN GIÁO VÀO TRUNG QUỐC CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

VŨ THỊ THU HÀ^{*}

Khi truyền giáo vào Trung Quốc, đạo Tin Lành đi liền với làn sóng thực dân. Hơn nữa, đạo Tin Lành hoàn toàn xa lạ với nền văn hóa lâu đời của Trung Quốc nên khi mới truyền vào nước này, đạo Tin Lành vừa bị triều đình nhà Thanh hạn chế vừa không nhận được sự ủng hộ của nhân dân Trung Quốc. Để xóa bỏ khoảng cách giữa văn hóa Phương Tây với văn hóa truyền thống của Trung Quốc, tạo chỗ đứng trong xã hội Trung Quốc trong quá trình truyền giáo, đạo Tin Lành đã phát triển rộng rãi sự nghiệp xuất bản, y tế, giáo dục... tạo nên những ảnh hưởng sâu đậm ở Trung Quốc. Mục đích là để nhận được sự thừa nhận của người dân Trung Quốc, nhưng trên phương diện khách quan, những kết quả về y tế, văn hóa, giáo dục mà đạo Tin Lành đem lại đã góp phần rất lớn thúc đẩy sự phát triển văn hóa xã hội Trung Quốc thời kì cận đại.

I. SƠ LƯỢC VỀ XÃ HỘI TRUNG QUỐC THẾ KỈ XIX

Thế kỉ XIX, khi đạo Tin Lành truyền vào Trung Quốc, cũng là lúc các đế quốc thực dân Âu, Mỹ tăng cường hoạt động

xâm lược các nước Đông Nam Á, và là lúc triều đại phong kiến Mãn Thanh lún sâu vào cuộc khủng hoảng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự...

Về kinh tế, chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, tình trạng tô cao thuế nặng, làm cho nền kinh tế nông thôn tiêu điều và đời sống cư dân nông nghiệp trở nên cơ cực hơn bao giờ hết. Tầng lớp hoàng thất, quý tộc, các cấp quan lại, địa chủ cường hào không từ một thủ đoạn nào để vơ vét, tước đoạt ruộng đất. Nông dân ngoài việc phải nộp tô trên 50% thu hoạch, còn chịu sưu cao thuế nặng và đủ loại phục dịch.

Về chính trị, nền thống trị phong kiến đã mục nát, suy đồi từ trên xuống dưới. Trong triều đình, tham quan ô lại chỉ lo vơ vét của cải, tranh đoạt quyền chức, chẳng đoái hoài đến quốc kế dân sinh. Nạn hối lộ diễn ra một cách lộ liễu.

Về quân sự, tổ chức và trang bị của quân đội hết sức lạc hậu, thiếu thốn. Đời vua Quang Đạo tuy có 22 vạn "Bát kì quân" (quân chính quy trung ương) và 66

^{*}. Ths., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

vạn “Lục doanh quân” (quân địa phương), nhưng vũ khí thô sơ và sức chiến đấu rất kém.

Về văn hóa, tư tưởng, triều đình Mãn Thanh tăng cường chính sách văn hóa nhằm duy trì nền thống trị chuyên chế phong kiến. Đạo Khổng Mạnh được đề cao. Chế độ thi cử được quy định rất khắt khe, bất sĩ tử phải thuộc “Tứ thư tập chú” của Chu Hy, tập làm văn Bát cổ, không quan tâm nhiều đến các vấn đề xã hội, không biết đến vận nước đang suy tàn.

II. NHỮNG ĐÓNG GÓP TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Hoạt động chủ yếu nhất nằm ngoài phạm vi hoạt động tôn giáo mà các giáo đoàn truyền giáo Tin Lành phương Tây tiến hành trên đất Trung Quốc là xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo. Đây cũng là hoạt động truyền bá văn hóa quan trọng nhất, gây ảnh hưởng sâu rộng nhất đối với xã hội Trung Quốc. Trong cuốn *Tôn chỉ của giáo dục Kitô giáo*, có đoạn: “Giáo dục Kitô giáo chính là Kitô giáo hóa Trung Quốc, mục đích lớn nhất là biến Trung Quốc thành một dân tộc theo Kitô giáo”⁽¹⁾. Xuất phát từ mục đích này, các nước Âu. Mỹ sau khi nhận được các khoản bồi thường chiến tranh hậu phong trào Nghĩa Hoà đoàn đều đổ vào xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo trực thuộc Hội thánh Tin Lành. Trong các trường học này, thiếu niên Trung Quốc được tiếp thu văn hóa Kitô giáo phương Tây, đọc kinh thánh, tiếp thu nền giáo dục đạo đức tôn giáo thông qua các giáo trình do các giáo sĩ truyền giáo biên soạn, dần dần rời xa những ảnh hưởng của văn hóa truyền thống dân tộc và khiến họ trở thành những người sùng bái văn hóa Phương

Tây. Các giáo sĩ truyền giáo cho rằng, đây là biện pháp chinh phục hiệu quả hơn biện pháp dùng vũ lực áp đặt. Trong báo cáo “Về quan hệ giữa đạo Tin Lành và giáo dục”. Calvin Wilson Mateer đã chỉ rõ rằng: “Tôi cho rằng mục đích xây dựng trường học của Hội thánh là giáo dục cho người bản địa về trí lực, đạo đức và tôn giáo. Không những phải khiến họ theo đạo Tin Lành mà sau khi gia nhập đạo họ phải trở thành người đại diện đắc lực của Chúa để bảo vệ sự nghiệp của chân lí. Những trường học này chuyên dạy về nền văn minh và khoa học Phương Tây, tất sẽ phát huy hiệu quả lớn cả về mặt xã hội và vật chất”⁽²⁾. Cho nên, sau khi các giáo sĩ truyền giáo nói rõ “chân lí” này, họ đã nhận được rất nhiều sự ủng hộ của các tập đoàn tài chính lớn ở Phương Tây. Lúc đó, Chính phủ Quốc dân cũng ý thức được sự xâm phạm chủ quyền Trung Quốc thông qua giáo dục tôn giáo nhưng bất lực. Chính phủ Trung Quốc đương thời cũng có đưa ra một số biện pháp để thắt chặt quản lí giáo dục như: dùng người Trung Quốc đứng ra xây dựng trường học để thay thế các trường học của Hội thánh. Năm 1917, Bộ Giáo dục Trung Quốc ra “Quy định về việc sát hạch đối với các trường học do nhân sĩ trong và ngoài nước xây dựng”; Năm 1925, Bộ Giáo dục Trung Quốc lại cho ra “Sáu điều về việc người nước ngoài xin cấp giấy phép đầu tư xây dựng trường học”... Nhưng đa số các trường học thuộc Hội thánh đều

1. Dẫn theo Lâu Vũ Liệt. Trương Chí Cương (chủ biên). *Lịch sử giao lưu tôn giáo của Trung Quốc với nước ngoài*. Nxb Giáo dục Hồ Nam, Hồ Nam, 1989, tr. 430.

2. Cố Trường Thanh. *Từ Robert Morrison đến John Leighton Start - Chuyện về các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành ở Trung Quốc*. Nxb Thư điểm Thượng Hải, Thượng Hải, 2005, tr. 184-185.

không lưu tâm đến những văn bản trên vì trong các văn bản pháp luật này có điều quy định “Các trường học không được lấy việc truyền bá tôn giáo làm tôn chỉ”, điều này đi ngược lại với mục đích xây dựng trường học của Hội thánh.

Tuy nhiên, mọi vấn đề đều mang tính hai mặt, nền giáo dục của Hội thánh phát triển do mục đích chủ quan của nó, nhưng xét về mặt khách quan nó lại khơi nguồn cho nền giáo dục hiện đại của Trung Quốc. Học đường kiểu Phương Tây đầu tiên ở Trung Quốc chính là trường học của Hội thánh Tin Lành do các giáo sĩ truyền giáo xây dựng. Hệ thống giáo dục bao gồm các trường từ sơ cấp, trung cấp, cao cấp, chuyên ngành,... của Hội thánh có tác dụng thúc đẩy một cách cơ bản việc cải cách giáo dục cận đại của Trung Quốc và phát triển một thể chế giáo dục hoàn toàn mới. Đặc biệt là việc Hội thánh sáng lập các trường đại học tại Trung Quốc đã làm tăng tiến trình xóa bỏ chế độ khoa cử, xây dựng các trường học hiện đại trong lịch sử phát triển giáo dục ở Trung Quốc. Vì vậy, các trường đại học do các giáo sĩ truyền giáo nước ngoài xây dựng đã có những ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển của nền giáo dục cận đại Trung Quốc. Những trường học trực thuộc Hội thánh không những nhiều về số lượng, mà còn đào tạo một số lượng lớn nhân tài trong thời điểm xã hội Trung Quốc còn lạc hậu về trình độ giáo dục. Các trường của Hội thánh không chỉ chiêu sinh tín hữu đạo Tin Lành mà còn thu nạp cả những người ngoài đạo; đặc biệt là trong các trường đại học, tỉ lệ học sinh ngoại đạo còn cao hơn cả tín đồ đạo Tin Lành. Đồng thời, sau những năm 20 của thế kỉ XX, các trường học của Hội

thánh không còn bắt buộc học sinh phải gia nhập đạo và học môn tôn giáo nữa. Các trường này cũng không chú trọng việc chiêu sinh con em nhà bình dân mà chuyển sang chiêu sinh con nhà quan lại. Điều này đã mở rộng ảnh hưởng xã hội của nền giáo dục thuộc Hội thánh. Hơn nữa, các trường học trực thuộc Hội thánh nhận được viện trợ từ Phương Tây nên điều kiện học tập, khuôn viên trong trường, chế độ đãi ngộ giáo viên đều tương đối tốt. Đây chính là phương pháp quan trọng để thu hút nhân tài. Ngay sau cuộc Chiến tranh Thuốc phiện, các Hội thánh Tin Lành bắt đầu xây dựng sự nghiệp giáo dục của mình trên khắp Trung Quốc. Từ sau năm 1942, các giáo sĩ truyền giáo nước ngoài đổ xô đến Trung Quốc, họ vừa truyền giáo vừa xây dựng trường học.

Năm 1843. Thư viện Anh Hoa là trường học Hội thánh đầu tiên chuyển từ Malacca đến Hồng Kông. Đây là trường học do Morrison sáng lập năm 1817 tại Malacca và là trường đầu tiên được thành lập để phục vụ việc truyền giáo vào Trung Quốc. Sau khi chuyển đến Hồng Kông, Thư viện Anh Hoa lập tức trở thành trường Tin Lành nổi tiếng đương thời. Năm 1844, Hội Giáo dục Nữ giới phương Đông nước Anh xây dựng trường tư thục nữ giới tại Ninh Ba. Đây là trường dành cho nữ giới đầu tiên tại Trung Quốc. Năm 1845, các giáo sĩ truyền giáo nước Mỹ xây dựng trường Sùng Tín Nghĩa Thực tại Ninh Ba. Đây là trường học Hội thánh đầu tiên được xây dựng trên đất Trung Quốc của Hội thánh đạo Tin Lành Mỹ. Năm 1850, Hội thánh Tin Lành Thánh thư Công hội nước Anh xây dựng trường tư thục Anh Hoa tại

Thượng Hải; Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Bắc Mỹ xây dựng thư viện Thanh Tâm. Năm 1853, Hội thánh Tin Lành Công lí Mỹ xây dựng trường nữ thực Văn Sơn và thư viện Các Trí tại Phúc Châu. Những trường học này đã trở thành hình thức ban đầu của trường học kiểu mới ở Trung Quốc, là đầu mối của nền giáo dục hiện đại Trung Quốc. Sau năm 1860, triều đình nhà Thanh bắt đầu xây dựng các trường học hiện đại, để xướng hình thức học mới theo mô hình của các trường học Phương Tây này. Từ đó Trung Quốc bước vào giai đoạn phát triển giáo dục hiện đại.

Năm 1864, Cavil Wilson Mateer xây dựng trường dành cho học sinh học võ lòng tại Đặng Châu, tỉnh Sơn Đông; năm 1876, trường này đổi tên thành Văn Hội Quán; năm 1904, sáp nhập với thư viện Quảng Đức và đổi tên thành trường Quảng Văn; năm 1917, lại sáp nhập với Học viện Thần học Thanh Châu, chuyển về Tế Nam và trở thành tiền thân của trường Đại học Tế Lỗ, Sơn Đông. Năm 1865, các giáo sĩ truyền giáo Mỹ xây dựng Sùng Thực Quán tại Bắc Kinh. Cùng thời gian này, Hội thánh Tin Lành Thánh thư Công hội Mỹ cũng xây dựng trường Bồi Nhã tại Thượng Hải; Năm 1866, lại xây dựng trường Độ Ân tại Thượng Hải. Năm 1879 trường Bồi Nhã và trường Độ Ân sáp nhập thành Thư viện John, tức tiền thân của trường Đại học Thánh John. Năm 1867, các giáo sĩ truyền giáo Mỹ xây dựng trường Dục Anh Nghĩa thực tại Hàng Châu. Năm 1870, Hội thánh Tin Lành Giám lí xây dựng Thư viện Tôn Dưỡng tại Tô Châu. Năm 1871, Hội thánh Tin Lành Thánh thư Công hội Mỹ xây dựng trường kỉ niệm William Jones Boone. Năm 1881, Young John Allen xây

dựng Thư viện Trung-Tây tại Thượng Hải. Năm 1889, các giáo sĩ truyền giáo nước Mỹ xây dựng Thư viện Các Trí tại Quảng Châu.

Đến đầu thế kỉ XX, hầu như nhà thờ nào cũng có một trường tiểu học. Theo thống kê không đầy đủ, năm 1914 đã có 4.120 trường tiểu học với 104.841 học sinh và 286 trường trung học cơ sở với 13.453 học sinh. Đến năm 1919 đã có 5.637 trường tiểu học với 151.582 học sinh; 962 trường trung học cơ sở với 32.899 học sinh; 291 trường trung học phổ thông với 15.213 học sinh⁽³⁾. Đồng thời Hội thánh Tin Lành Trung Quốc rất chú trọng xây dựng hệ thống các trường cao đẳng, đặc biệt là phát triển hệ thống giáo dục đại học.

Các giáo đoàn truyền giáo đạo Tin Lành đã lần lượt xây dựng 14 trường đại học quan trọng tại Trung Quốc. Năm 1801, Hội thánh Tin Lành Giám lí Mỹ thành lập trường Đại học Đông Ngô, Tô Châu. Đây là trường đại học đầu tiên theo khuôn mẫu Phương Tây trong lịch sử giáo dục Trung Quốc. Năm 1905, Hội thánh Tin Lành Thánh thư Công hội Mỹ xây dựng trường Đại học Thánh John tại Thượng Hải bao gồm 3 khoa: khoa học nhân văn, công nghiệp và y học. Năm 1910, Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Bắc Mỹ và Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Nam Mỹ hợp tác xây dựng trường Đại học Giang Chi, Hàng Châu bao gồm 2 khoa: khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Cũng trong năm 1910, Hội thánh Tin Lành Baptist Mỹ, Hội thánh Tin Lành

3. Lý Khoan Thực. *Lược sử Kitô giáo Trung Quốc*. Nxb Văn hiến KHXH. Bắc Kinh, 1998, tr. 277.

Thánh thư Công Hội Anh và Hội Liên hiệp Canada hợp tác xây dựng trường Đại học Hòa Hiệp Tây Hoa Đô bao gồm 3 khoa là: khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và y học. Trường Đại học Hoa Trung, Vũ Xương gồm 3 khoa: khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa giáo dục được thành lập trên cơ sở hợp tác của Hội thánh Tin Lành Thánh thư Công hội Mỹ, Hội Truyền giáo Luân Đôn nước Anh và Hội thánh Tin Lành Methodist. Năm 1911, Hội thánh Tin Lành Baptist Mỹ, Hội thánh Tin Lành Methodist Mỹ và Hội thánh Tin Lành Trưởng lão hợp tác xây dựng trường Đại học Kim Lăng, Nam Kinh gồm 3 khoa: khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa nông nghiệp. Năm 1914, Hội thánh Tin Lành Methodist Mỹ sáng lập Học viện Khoa học Tự nhiên - Xã hội nữ Hoa Nam, Phúc Châu, đồng thời, Hội Tân giáo nước Mỹ cũng xây dựng trường chuyên khoa y học Tương Nhã, Trường Sa. Năm 1924 đổi tên thành trường Đại học Y khoa Tương Nhã. Năm 1935 lại đổi tên thành Viện Y học Tương Nhã. Năm 1915, Hội truyền giáo Luân Đôn nước Anh, Hội thánh Tin Lành Baptist Mỹ, Hội thánh Tin Lành Giám lý, Hội thánh Tin Lành Methodist Mỹ, Hội thánh Tin Lành Thánh thư Công hội và Hội thánh Tin Lành Trưởng lão hợp tác xây dựng Học viện Tự nhiên - Xã hội nữ Kim Lăng, Nam Kinh. Cũng trong năm này, Hội thánh Tin Lành Baptist Bắc Mỹ và Hội thánh Tin Lành Baptist Nam Mỹ hợp tác xây dựng trường Đại học Hộ Giang, Thượng Hải gồm 3 khoa: khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và thương nghiệp. Năm 1916, Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Mỹ và Ủy ban Ngân sách nước Mỹ hợp tác thành lập trường Đại học Linh Nam, Quảng Châu với 3 khoa:

công nghiệp, nông nghiệp và tự nhiên xã hội. Cũng năm 1916, Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Mỹ, Hội thánh Tin Lành Methodist, Hội thánh Tin Lành Công lý, Hội Truyền giáo Luân Đôn nước Anh và một số tập đoàn tài chính hợp tác xây dựng trường Đại học Yến Kinh, Bắc Kinh gồm 3 khoa: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và pháp luật, đến năm 1919 đổi tên thành trường Đại học Yến Kinh. Năm 1917, Hội thánh Tin Lành Công lý Mỹ, Hội thánh Tin Lành Methodist Mỹ, Hội thánh Tin Lành Trưởng lão, Hội thánh Tin Lành Baptist, Hội Truyền giáo Luân Đôn nước Anh và Hội Liên hiệp Canada hợp tác xây dựng trường Đại học Tế Lỗ, Sơn Đông gồm 3 khoa: khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và y học. Năm 1918, Hội thánh Tin Lành Công lý Mỹ, Hội thánh Tin Lành Methodist, Hội thánh Tin Lành Thánh thư Công hội nước Anh hợp tác thành lập trường Đại học Hiệp Hòa, Phúc Kiến, bao gồm các khoa như khoa học tự nhiên, khoa học xã hội... Ngoài ra, đạo Tin Lành còn thành lập Viện Y học Hiệp Hòa, Bắc Kinh vào năm 1906, trường chuyên ngành thư viện Văn Hoa, Vũ Xương năm 1929 và trường Đại học Tam Dục năm 1927.

Tháng 10 năm 1919, Hội nghị Hiệu trưởng các trường đại học thuộc Hội thánh Tin Lành tổ chức tại Thượng Hải đã thành lập Hội Liên hiệp các trường Đại học Hội thánh Trung Quốc. Thành viên của Hội bao gồm: Đại học Yến Kinh, Đại học Tế Lỗ, Đại học Nữ tử Kim Lăng, Đại học Kim Lăng, Đại học Đông Ngô, Đại học Hộ Giang, Đại học Thánh John, Đại học Chi Giang, Đại học Hiệp Hòa, Phúc Kiến, Đại học Linh Nam, Đại học Nhã Lễ Trung Quốc, Đại học Văn Hoa, Thư viện Bác Văn, Đại học Hiệp Hòa Tây

Hoa và Viện Y học Hiệp Hòa Bắc Kinh. Ngoài Viện Y học Hiệp Hòa Bắc Kinh, các trường đại học trên đều có giáo trình chính quy ngành khoa học xã hội, đa số các trường có ngành khoa học tự nhiên, một số trường còn có các chuyên ngành khác như nông nghiệp (Trường Yển Kinh, trường Kim Lăng, trường Lĩnh Nam); Thương nghiệp (trường Kim Lăng, trường Hộ Giang, trường Thánh John); Nha khoa (trường Tây Hoa); Lâm nghiệp (trường Kim Lăng); Công nghiệp hóa học (trường Đông Ngô, trường Hộ Giang); Pháp luật chính trị (trường Đông Ngô); Y khoa (trường Tế Lỗ, trường Thánh John, trường Nhã Lễ, trường Tây Hoa); Khoa Chế tạo máy (trường Yển Kinh); Khoa Chính trị (trường Thánh John); Khoa Y tế dự phòng (trường Hiệp Hòa Phúc Kiến); Khoa Xã hội học (trường Hộ Giang); Khoa Thần học (trường Văn Hoa, trường Tây Hoa, trường Yển Kinh, trường Tế Lỗ, trường Thánh John, trường Hộ Giang)... Cùng với việc không ngừng bổ sung và hoàn thiện các chuyên ngành, các trường đại học này đã trở thành các trường đại học tổng hợp hiện đại, khiến cho diện mạo ngành giáo dục cao đẳng, đại học ở Trung Quốc mới mẻ hẳn lên. Một số khoa chuyên ngành của các trường này đã trở thành khoa đứng đầu trong các trường đại học ở Trung Quốc đương thời như Khoa Pháp luật của Đại học Đông Ngô, Khoa Thương nghiệp của Đại học Thánh John, Khoa Thư viện của Đại học Văn Khoa, Khoa Xã hội học và Truyền thông của Đại học Yển Kinh. Trong khi phát triển giáo dục phổ thông ở Trung Quốc, đạo Tin Lành cũng rất chú ý đến giáo dục Kitô giáo. Theo thống kê năm 1920, các Giáo đoàn truyền giáo Tin Lành trên toàn Trung Quốc đã xây dựng

được 52 trường Thánh kinh nữ, 48 trường Thánh kinh nam và 13 khoa thần học trong các trường đại học và viện thần học.

Năm 1922, sau khi Phong trào phi Kitô giáo bùng nổ, Chính phủ Trung Quốc bắt đầu xem xét đến vấn đề quốc hữu hóa quyền giáo dục của các trường trực thuộc Hội thánh Tin Lành. Năm 1926, Bộ Giáo dục Trung Quốc ban hành các quy định về quy trình thành lập trường dân lập, không cho phép người nước ngoài làm hiệu trưởng; chủ tịch hội đồng quản trị phải là người Trung Quốc. Cùng với việc Trung Quốc thực hiện rộng rãi chế độ giáo dục hiện đại, các trường công lập và dân lập của Trung Quốc không ngừng gia tăng, các trường học của Hội thánh ngày càng chiếm tỉ lệ ít đi trong tổng số trường học ở Trung Quốc. Để bảo tồn các trường học của Hội thánh và duy trì màu sắc riêng của các trường này, đa số các trường đều bày tỏ nguyện vọng tuân thủ các quy định của Chính phủ Trung Quốc.

Một đóng góp đáng kể nữa của các giáo sĩ truyền giáo đạo Tin Lành cho nền giáo dục Trung Quốc là việc đưa học sinh Trung Quốc ra nước ngoài du học. Sau Chiến tranh Thuốc phiện, người nước ngoài bắt đầu thu hút lưu học sinh Trung Quốc sang Anh, Mỹ du học. Ở Trung Quốc thời cận đại việc cử người sang Anh, Mỹ du học có hàng trăm mối liên hệ với giáo sĩ truyền giáo. Ba học sinh cuối cấp của học đường Robert Morrison là ba người Trung Quốc đầu tiên đi du học thời cận đại.

Nữ lưu học sinh Trung Quốc đầu tiên là do giáo sĩ truyền giáo Tin Lành người Mỹ đưa sang Nhật du học.

Sau khi các trường đại học trực thuộc Hội thánh được thành lập, số học sinh đi nước ngoài du học ngày càng tăng nhanh. Trường Đại học Thánh John Thượng Hải hàng năm đều có mấy chục học sinh sang Âu, Mỹ du học. Từ năm 1872, Trung Quốc bắt đầu chính thức đưa học sinh ra nước ngoài du học. Ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong vấn đề này là rất rõ rệt. Học sinh của các trường trực thuộc Hội thánh chiếm số lượng lớn trong số lưu học sinh được đưa sang Nhật du học vào thế kỉ XIX. Đầu thế kỉ XX, tỉ lệ học sinh các trường trực thuộc Hội thánh sang Mỹ du học còn lớn hơn nhiều so với thế kỉ XIX.

Đạo Tin Lành cũng đóng góp một phần nhất định trong việc giải phóng phụ nữ và phát triển giáo dục nữ giới ở Trung Quốc. Trường học dành cho nữ giới đầu tiên tại Trung Quốc thời cận đại là do đạo Tin Lành sáng lập. Hệ thống giáo dục cao đẳng cho nữ giới của đạo Tin Lành đã đào tạo cho Trung Quốc một thế hệ nữ viên chức đầu tiên. Đội ngũ nữ trí thức này là những người đầu tiên phá bỏ những hủ tục ràng buộc phụ nữ của chế độ phong kiến và sống tự lập trong xã hội.

Đạo Tin Lành xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục cao đẳng, đại học ở Trung Quốc khiến cho nền giáo dục Trung Quốc có những tiến bộ mang tính lịch sử. Sự xuất hiện các trường đại học của đạo Tin Lành là bước đột phá lớn trong lịch sử giáo dục Trung Quốc, khiến cho Trung Quốc có hệ thống giáo dục cao đẳng, đại học cận đại. Về cơ bản, trường đại học của đạo Tin Lành đã vượt qua những khiếm khuyết của hệ thống giáo dục truyền thống của Trung Quốc. Các trường đại học của đạo Tin Lành đã mang đến cho nền giáo dục cao đẳng, đại học

Trung Quốc rất nhiều nội dung mới mẻ trên nhiều phương diện như: mô thức lập trường học, nội dung giảng dạy, bồi dưỡng nhân tài, thích ứng với xã hội... Điều này dẫn đến sự ra đời và phát triển hệ thống giáo dục cao đẳng, đại học ở Trung Quốc. Việc xây dựng các trường đại học của Hội thánh Tin Lành thúc đẩy Trung Quốc bắt đầu chú trọng đến giáo dục cao đẳng, đại học. Học sinh tốt nghiệp từ các trường đại học của Hội thánh Tin Lành trở thành lực lượng giáo viên trong các trường đại học ở Trung Quốc. Dưới ảnh hưởng của các trường đại học thuộc Hội thánh Tin Lành, hàng loạt các trường đại học của Trung Quốc bắt đầu thành lập như trường Đại học Bắc Dương, Đại học Kinh sử...

Trước khi các trường đại học của Hội thánh Tin Lành được xây dựng, hệ thống giáo dục cao đẳng của Trung Quốc chủ yếu học văn sử cổ điển. Đến đầu thế kỉ XX, trình độ của trường đại học thuộc Hội thánh Tin Lành tốt nhất Trung Quốc đã gần sánh ngang với trình độ của các trường đại học ở Âu, Mỹ đương thời. Sự xuất hiện của các trường đại học của Hội thánh Tin Lành đã khiến cho nền giáo dục cao đẳng, đại học Trung Quốc rút ngắn khoảng cách vài trăm năm so với nền giáo dục đại học Phương Tây.

III. NHỮNG ĐÓNG GÓP TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

Trong lĩnh vực y học, Trung Quốc vốn đã có lịch sử rất lâu đời và những triết lí cực kì sâu sắc, nhưng chủ yếu dựa vào sự siêu hình, âm dương ngũ hành làm căn cứ để chuẩn đoán nguồn gốc của bệnh tật, rơi vào tình trạng mơ hồ trừu tượng. Nhìn chung, chúng ta không thể phủ

nhận những mặt ưu việt, nhưng cũng không thể che giấu được những khiếm khuyết của nó. Từ khi Tây y được truyền vào Trung Quốc, nền y học Trung Quốc càng nảy sinh những vấn đề bất cập. Việc đưa Tây y hiện đại vào Trung Quốc không thể không kể đến vai trò của đạo Tin Lành.

Đạo Tin Lành xây dựng sự nghiệp y học ở Trung Quốc với mục đích thúc đẩy và phát triển sự nghiệp truyền giáo. Nhưng trên phương diện khách quan thì hoạt động chữa bệnh của các giáo sĩ truyền giáo đạo Tin Lành đã đưa Trung Quốc tiếp cận với Tây y, thúc đẩy việc sáng lập nền y học hiện đại Trung Quốc.

Năm 1934, bác sĩ - giáo sĩ truyền giáo, Peter Parke của đạo Tin Lành Mỹ đến Trung Quốc. Từ đó Hội thánh Tin Lành bắt đầu kết hợp chữa bệnh với truyền giáo. Sự kết hợp này bao gồm việc các giáo sĩ truyền giáo tổ chức các hội y học, xây dựng các phòng khám ở cạnh Hội thánh. Trên cơ sở đó, các bệnh viện của Hội thánh được thành lập; các sách, báo, thư tịch liên quan đến ngành y cũng lần lượt được xuất bản. Năm 1835, Peter Parke khai trương phòng khám mắt tại Quảng Châu. Đây là bệnh viện Tây y đầu tiên do giáo sĩ truyền giáo nước ngoài xây dựng ở Trung Quốc thời cận đại. Các hiệp hội y học do các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành tổ chức tại Trung Quốc bao gồm: Hội Truyền giáo y dược Trung Hoa được thành lập tại Quảng Châu năm 1838. Hội trưởng là Thomas Richardson Colledge. Hội phó là bác sĩ Peter Parke; Hội Y Bác Trung Quốc thành lập năm 1886, do giáo sĩ truyền giáo John Clascow Kerr làm Hội trưởng đầu tiên; Hiệp hội Truyền giáo Chữa bệnh Trung Quốc thành lập năm 1890...

Năm 1915, thành lập Hội Y học Trung Quốc. Năm 1916, Hội Y học Trung Quốc hợp với Hiệp hội Truyền giáo chữa bệnh Trung Quốc tại Quảng Châu và ra quyết nghị ủng hộ Hội Thanh niên Tin Lành Trung Hoa thành lập Ủy ban Liên hợp Vệ sinh công cộng Toàn quốc. Năm 1925, Hiệp hội Truyền giáo chữa bệnh Trung Quốc sáp nhập vào Hội Y học Trung Quốc. Năm 1927, Hội Y học Trung Quốc chuyển đến Thượng Hải và đổi tên thành Tổng hội Hội Y học Trung Hoa, thiết lập phân hội tại các địa phương. Năm 1932, Hội Y Bác Trung Quốc cũng sáp nhập vào Hội Y học Trung Hoa.

Năm 1868, John Clascow Kerr sáng lập *Quảng Châu Tân báo* tại Quảng Châu, bắt đầu một hệ thống dùng tiếng Trung Quốc giới thiệu kiến thức Tây y cho người Trung Quốc. Đến năm 1884, *Quảng Châu Tân báo* đổi tên thành *Tây y Tân báo*. Năm 1872, Bệnh viện Kinh Do Thi Bắc Kinh phát hành tờ *Đông Tây kiến văn lục* cũng giới thiệu một chút kiến thức Tây y. Ngoài ra, năm 1888, Hội Y Bác Trung Hoa cũng sáng lập ra tờ *Y Bác Hội báo* tại Thượng Hải. Cũng trong giai đoạn này, giáo sĩ truyền giáo Tin Lành nước Anh - Benjamin Hobson, bắt đầu dịch và giới thiệu về hệ thống thuốc Tây y và nền y học Phương Tây. Năm 1850, ông đã biên dịch và xuất bản cuốn *Toàn thể tân luận* tại Quảng Châu; năm 1857 biên dịch và xuất bản cuốn *Tây y lược luận*; năm 1858 in cuốn *Nội khoa tân luận* và cuốn *Bà mẹ và trẻ em tân thuyết*. Ngoài ra, giáo sĩ Issachar Jacob Roberts dịch cuốn *Thuốc Tây trong gia đình* và xuất bản năm 1850 tại Quảng Châu. Đây là một trong những cuốn sách đầu tiên, các giáo sĩ truyền giáo ở Trung Quốc giới

thiệu về thuốc Tây và nền y học Phương Tây. Giáo sĩ John Clasgow Kerr cũng dịch và xuất bản một số sách như: *Tây được lược thuyết, Cát chứng toàn thư, Nội khoa toàn thư, Danh mục bệnh chứng, Danh mục thuốc Tây...*

Đến trước năm 1900, Hội thánh Tin Lành đã xây dựng được hơn 40 phòng khám và bệnh viện. Những cơ sở này phân bố tại Quảng Đông, Quảng Tây, Triết Giang, Giang Tô... Trong đó, các bệnh viện chủ yếu trực thuộc hệ thống Tin Lành nước Anh và nước Mỹ.

Các bệnh viện trực thuộc hệ thống Tin Lành nước Anh gồm: Bệnh viện Nhân Tế, Thượng Hải của Hội thánh Luân Đôn; Bệnh viện Nhân Tế, Hán Khẩu; Bệnh viện Mã Đại Phu, Thiên Tân; Bệnh viện Nhân Tế, Vũ Xương; Bệnh viện Quảng Tế, Hàng Châu; Bệnh viện Sài Tĩnh, Phúc Châu; Bệnh viện Bắc Hải; Bệnh viện Phổ Tế, Nghi Xương; Bệnh viện Nam Thành Đô; Bệnh viện Phúc âm Sán Đầu của Hội thánh Tin Lành Trưởng Lão; Bệnh viện Phổ Ái, Hán Khẩu của Hội thánh Tin Lành Methodist.

Các bệnh viện thuộc hệ thống Tin Lành nước Mỹ gồm: Bệnh viện Bác Tế, Quảng Châu; Bệnh viện Phụ nữ và Trẻ em Hạ Cát và Bệnh viện Nhu Tế của Hội thánh Tin Lành Trưởng lão; Bệnh viện Ích thế Sán Đầu của Hội thánh Tin Lành Baptist; Bệnh viện Thông Châu của Hội thánh Tin Lành Công lí; Bệnh viện Đồng Nhân, Thượng Hải của Hội thánh Tin Lành Thánh thư Công hội; Bệnh viện Phụ nữ và Trẻ em Tây Môn, Thượng Hải; Bệnh viện Bác Tập, Tô Châu...

Sang thế kỉ XX, bệnh viện của Hội thánh phát triển nhanh chóng. Theo

“Niên giám Kitô giáo” năm 1936, các giáo đoàn truyền giáo Tin Lành đã xây dựng được hơn 260 bệnh viện. Trong đó, Hội thánh Tin Lành Trung Hoa có 67 bệnh viện; Hội thánh Tin Lành Thánh thư Công hội có 29 bệnh viện; Hội thánh Tin Lành Methodist Episcopal có 25 bệnh viện; Hội thánh Tin Lành Baptist có 20 bệnh viện; Hội thánh Tin Lành Methodist có 16 bệnh viện; Hội thánh Tin Lành nội địa có 13 bệnh viện; Hội thánh Tin Lành Trưởng lão có 11 bệnh viện; Hội thánh Tin Lành Thánh thư Công hội Trung Hoa, Hội thánh Tin Lành Công lí và Hội thánh Tin Lành Tín nghĩa, mỗi Hội có 7 bệnh viện; Hội thánh Tin Lành An thất nhật và Hội thánh Tin Lành Hành đạo, mỗi Hội có 5 bệnh viện; Hội Truyền giáo Luân Đôn có 4 bệnh viện; Hội thánh Tin Lành Giám lí có 4 bệnh viện; Hội thánh Tin Lành Hữu ái có 3 bệnh viện. Ngoài ra, các hội đoàn truyền giáo khác đều có bệnh viện Hội thánh của mình.

Để bồi dưỡng nhân viên y tế cho Hội thánh, đạo Tin Lành còn xây dựng rất nhiều viện y học và trường đào tạo hộ lí. Đến năm 1937 đã có hơn 140 trường với gần 4.000 học sinh. Trước năm 1949, các bệnh viện thuộc Hội thánh Tin Lành chiếm 70% tổng số bệnh viện trên toàn Trung Quốc; hộ lí trong các bệnh viện này đến 90% là tín hữu đạo Tin Lành⁽¹⁾.

Những hoạt động thực tiễn chữa bệnh và giới thiệu về lí luận y học Phương Tây của các giáo sĩ truyền giáo nước ngoài đã đặt nền móng đầu tiên cho sự phát triển của nền y học Phương Tây và Tân dược ở Trung Quốc thời kì cận hiện đại.

(Kì sau đăng tiếp)

4. Trác Tân Bình (chủ biên). *Kiến thức cơ sở về Kitô giáo Trung Quốc*, Nxb Văn hóa Tôn giáo, Bắc Kinh, 1999, tr.80.